

# Những đổi mới nhận thức, quan điểm của Đảng đối với hội nhập kinh tế quốc tế sau hơn 30 năm đổi mới tại Việt Nam

Trần Nguyễn Tuyên<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập kinh tế quốc tế đã từng bước được bổ sung, phát triển và hoàn thiện, đem lại những kết quả to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết trên cơ sở tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện quan điểm, định hướng và giải pháp về hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới phù hợp với bối cảnh mới.

**Từ khóa:** Việt Nam, Đổi mới, Hội nhập kinh tế, Hội nhập kinh tế quốc tế

**Abstract:** Over 30 years of Doi moi, the perception and viewpoints of the Communist Party of Vietnam on international economic integration have gradually been supplemented, developed and improved, which has brought about tremendous results in the socio-economic development, enhancing the position of Vietnam in the region and the world. However, a number of unsolved issues are indeed raised on the basis of continuity of perception and viewpoints changes, in conjunction with improvement of orientations and solutions to promote international economic integration in accordance with the new context.

**Key words:** Vietnam, Doi moi, International Integration, International Economic Integration

## I. Chủ trương, quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế qua các thời kỳ

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định nguyên tắc cơ bản trong đường lối đối ngoại của mình là kết hợp sức mạnh dân

tộc với sức mạnh của thời đại để tạo nên sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ ở từng giai đoạn. Điều này được thể hiện rõ trong các văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thư gửi Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc, tháng 12/1946, đã khẳng định: “Đối với các nước Dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

<sup>(\*)</sup> PGS.TSKH, Hội đồng Lý luận Trung ương;  
Email: tuyen4269@gmail.com

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ thuật của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận *tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế* dưới sự lãnh đạo của Liên Hợp Quốc” (*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 4, 2002: 470).

Đây là tư tưởng quan trọng đặt cơ sở cho việc hình thành chủ trương hội nhập quốc tế của Việt Nam sau này. Do điều kiện chiến tranh và hoàn cảnh khách quan lúc đó Việt Nam chưa thực hiện được đầy đủ nội dung hội nhập như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định.

Sau khi thống nhất đất nước, Đại hội IV của Đảng họp tháng 12/1976 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh tế đối ngoại trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ cuối những năm 1970, Việt Nam đã tích cực phát triển quan hệ, tham gia cơ chế hợp tác của các nước XHCN trong khuôn khổ Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) do Liên Xô đứng đầu. Mặc dù sự hợp tác kinh tế trong khối SEV còn mang tính bao cấp, chưa chú trọng cơ chế phân công trên cơ sở thế mạnh của từng nước, chưa tiếp nhận sự phát triển của kinh tế thị trường như các nước tư bản chủ nghĩa, nhưng sự giúp đỡ của các nước XHCN đã góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Tuy nhiên, do bị tác động của yếu tố quốc tế bên ngoài như sự chi phối của cuộc đối đầu Đông-Tây, việc Việt Nam giải quyết các vấn đề xung đột ở biên giới phía Nam do Khơ me đỏ gây ra và bảo vệ biên giới phía Bắc do chiến tranh biên giới với Trung Quốc (1979), nên quá trình hội nhập quốc

tế của Việt Nam thời kỳ này còn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Đại hội VI (1986) đã mở đầu quá trình đổi mới đất nước với bước ngoặt trong đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, thực hiện chính sách mở cửa hội nhập quốc tế. Đại hội khẳng định, *muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng XHCN; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi*. Nghị quyết Đại hội cũng xác định nội dung chính của chính sách kinh tế đối ngoại trước hết bao gồm: đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Sau Đại hội VI, trong bối cảnh tình hình quốc tế thay đổi nhanh chóng, Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu lâm vào khủng hoảng, năm 1988, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, bình thường hóa quan hệ với Mỹ và Trung Quốc. Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành tháng 12/1987 có ý nghĩa quan trọng, đây là văn bản pháp lý đầu tiên sau khi Việt Nam thống nhất nhằm kêu gọi thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam.

Những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, đứng trước sự kiện Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu tan rã, tại Đại hội VII (1991), Đảng đã đánh giá toàn diện và đề ra các giải pháp, chủ trương ứng phó với những tác động tiêu cực của tình hình với nội dung chủ yếu là đẩy lùi chính sách

bao vây cảm vận về kinh tế, cô lập về chính trị đối với Việt Nam, tiếp tục thực hiện mở rộng quan hệ quốc tế. Đại hội VII đã thông qua *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991-2000)*; xác định đường lối đối ngoại rộng mở với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991: 147); xác định nguyên tắc cơ bản trong hội nhập kinh tế quốc tế là “Mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng cùng có lợi” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991: 119).

Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khoá VII (1992) đã ra Nghị quyết về chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại, trong đó *tư tưởng chỉ đạo là giữ vững nguyên tắc độc lập, thống nhất và CNXH*, đồng thời phải sáng tạo, năng động linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực. Nghị quyết cũng nêu ra 4 phương châm trong hội nhập kinh tế quốc tế là:

- Bảo đảm lợi ích dân tộc, trong đó kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

- Giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.

- Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế.

- Ưu tiên hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Đại hội VIII (tháng 6/1996) đã có bước phát triển hơn về tư duy đối ngoại và hội

nhập quốc tế khi xác định nhiệm vụ mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, chủ trương *tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới*. Tại Đại hội này, Đảng đã nêu rõ tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”, đã đưa ra chủ trương “xây dựng nền kinh tế mở”, “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”. Đại hội nhấn mạnh, phải mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực *trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi*.

Theo hướng này, ngày 18/11/1996, Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về kinh tế đối ngoại nhằm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (1997) nêu nhiệm vụ “Tích cực chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế. Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO, có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện cam kết trong khuôn khổ AFTA” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998: 60).

Tiếp tục phát triển quan điểm về hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh mới, Đại hội IX (2001) đã xác định chủ trương “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần *phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ* và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia,

giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 120). Để cụ thể hóa chủ trương này, ngày 27/01/2001, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về Hội nhập Kinh tế quốc tế. Nghị quyết này đã đáp ứng được kịp thời những đòi hỏi khách quan của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khoá IX (tháng 2/2004) khẳng định: “Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế”, “Xây dựng chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế ở các cấp độ: toàn cầu, khu vực và song phương” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2004: 87-88). Tại nhiệm kỳ Đại hội này, Đảng xác định *độc lập tự chủ là cơ sở để thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa*, đồng thời nhấn mạnh: Việt Nam không chỉ “sẵn sàng là bạn” mà còn sẵn sàng “là đối tác tin cậy của các nước” và “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”. Có thể nói, đây là một bước phát triển mới trong nhận thức và tư duy về đối ngoại và hội nhập quốc tế nói chung của Đảng ta trong thời kỳ Đổi mới.

Chủ trương hội nhập quốc tế được tiếp tục phát triển trong Đại hội X (2006): “Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác, chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại

tự do song phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương, tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa các thách thức, rủi ro khi Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006: 339-40).

Trong nhiệm kỳ Đại hội X, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Việc gia nhập WTO đã tạo ra những thời cơ và thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam nói riêng và sự phát triển của đất nước nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Do vậy, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa X (tháng 10/2007) đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU “Về một số chủ trương chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”. Nghị quyết đã xác định quan điểm chỉ đạo, hệ thống các giải pháp cụ thể thực hiện thắng lợi hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong bối cảnh mới.

Đại hội XI (2011) diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi, diễn biến phức tạp, tác động đến nền kinh tế nước ta, chính vì vậy Đảng đã xác định chủ trương: “Thực hiện nhất quán *đường lối đối ngoại độc lập tự chủ*, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế đất nước; vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ

và tiến bộ xã hội trên thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 25-236). Đại hội đã đánh dấu sự thay đổi về tư duy của Đảng trong hội nhập quốc tế, *thể hiện tầm nhìn chiến lược toàn diện, mở rộng hội nhập với quy mô toàn diện trên các lĩnh vực, đây không chỉ là sự chủ động tích cực hội nhập trong lĩnh vực kinh tế mà còn trên các lĩnh vực khác như chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, khoa học công nghệ...*

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, đề cụ thể hóa quan điểm của Đại hội về hội nhập quốc tế, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TU về Hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã xác định nhiệm vụ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại *độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia dân tộc*, vì hòa bình hợp tác và phát triển; thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; quán triệt và vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn được tổng kết trong Cương lĩnh.

Đại hội XII (2016) tiếp tục khẳng định vai trò của hội nhập quốc tế trong công cuộc đổi mới đất nước, *nhấn mạnh hội nhập kinh tế quốc tế là nội dung cơ bản của hội nhập quốc tế*, trong đó xác định rõ: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn

lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 153).

Nhằm cụ thể hóa quan điểm của Đại hội XII về hội nhập quốc tế, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (2016) đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về “Thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Nghị quyết xác định rõ quan điểm, đề ra những nhiệm vụ, các giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh mới.

Như vậy, có thể thấy, quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế qua 30 năm thực hiện Đổi mới đã có sự kế thừa, bổ sung và phát triển liên tục. Trong quá trình này, các chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế cũng nhanh chóng được cụ thể hóa một cách đầy đủ, toàn diện hơn, đồng thời được bổ sung bởi các nghị quyết của các đại hội, nhất là được tổng kết tại Đại hội XII của Đảng.

Hội nhập kinh tế quốc tế được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là trọng tâm đầu tiên của quá trình hội nhập quốc tế và mở rộng sang các lĩnh vực khác, điều này hoàn toàn phù hợp với lý luận và thực tiễn chung về hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng đã có chủ trương đúng đắn về xử lý mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xử lý đúng đắn, hiệu quả mối quan hệ giữa

độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên lĩnh vực kinh tế qua 30 năm đổi mới.

## II. Kết quả và những hạn chế trong việc xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên lĩnh vực kinh tế trong quá trình đổi mới

### 1. Những kết quả đạt được

Đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng trong thời kỳ Đổi mới đã đi vào thực tiễn và phát huy tác dụng đem lại những thành quả quan trọng, có thể kể một số mốc trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam như sau:

- Tháng 12/1987, Nhà nước ban hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Năm 1993, khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như Tổ chức Thương mại quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB).

- Ngày 28/7/1995, chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đồng thời tham gia Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Từ ngày 1/1/1996, Việt Nam bắt đầu thực hiện nghĩa vụ và các cam kết trong các Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của AFTA.

- Tháng 3/1996, Việt Nam tham gia Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) với tư cách thành viên sáng lập. ASEM hợp tác chủ yếu tập trung vào thuận lợi hóa thương mại và đầu tư, hợp tác giữa các nhà doanh nghiệp Á-Âu.

- Ngày 15/6/1996, Việt Nam đã gửi đơn xin gia nhập Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và tháng 11/1998 đã được công nhận là thành viên chính thức của tổ chức này.

- Ngày 13/7/2000, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) được

ký kết và chính thức có hiệu lực từ ngày 10/12/2001. Đây là hiệp định thương mại đầu tiên Việt Nam đàm phán trên cơ sở các nguyên tắc của WTO.

- Sau 14 vòng đàm phán đa phương và kết thúc đàm phán song phương với 28 nước đối tác có yêu cầu, ngày 7/11/2006, Việt Nam đã được kết nạp vào WTO, trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức này.

- Ngày 31/12/2015, Việt Nam và các nước thành viên ASEAN đã ký Hiệp định thành lập Cộng đồng ASEAN dựa trên 3 trụ cột chính: Cộng đồng kinh tế - xã hội, cộng đồng an ninh, cộng đồng văn hóa.

- Là thành viên của ASEAN, Việt Nam cũng là thành viên tham gia Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Nhật Bản (AJFTA), Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AITIG), Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA).

- Việt Nam đã ký kết các hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do song phương với một số tổ chức và quốc gia trên thế giới như:

+ Hiệp định về thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU).

+ Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA).

+ Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA).

+ Việt Nam đã tham gia đàm phán và ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), nay là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

- Năm 2017, Việt Nam là chủ nhà của Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), điều này mở ra cơ hội và khả năng to lớn để tăng cường hội nhập kinh tế của Việt Nam với các nước

trong khu vực phát triển năng động nhất của thế giới hiện nay.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng, giải quyết, khắc phục được tình trạng khủng hoảng thị trường xuất nhập khẩu sau khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu tan rã, cũng như hạn chế các tác động tiêu cực do tác động của bên ngoài như Khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, Khủng hoảng tài chính 2007-2008,... Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã tạo điều kiện để mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, tiếp nhận nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ nguồn nhân lực, kinh nghiệm quản lý, góp phần nâng cao sức cạnh tranh, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Trải qua 30 năm đổi mới, thực hiện đường lối đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, Việt Nam đã mở rộng và đi vào chiều sâu trong quan hệ với tất cả các đối tác. Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 185 nước, quan hệ kinh tế với 224 nước và vùng lãnh thổ, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước. Việt Nam là thành viên của hầu hết các tổ chức khu vực và quốc tế lớn. Về lĩnh vực, bên cạnh quan hệ kinh tế, đã mở ra quan hệ chính trị, quốc phòng an ninh, văn hóa, khoa học - công nghệ... với nhiều đối tác. Về phương thức và loại hình quan hệ đối ngoại, Việt Nam đã khai thác hiệu quả các kênh song phương, đa phương, phát triển và gia tăng sự hợp tác giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Về đầu tư, qua 30 năm đổi mới Việt Nam đã thu hút được trên 250 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhiều nhà đầu

tư lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia đã và đang đặc biệt quan tâm đến Việt Nam, trong bối cảnh môi trường đầu tư đang tiếp tục được cải thiện. Trong thời gian qua, nguồn vốn ODA đã đóng góp hết sức quan trọng vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo, xây dựng các công trình y tế, giáo dục, đóng góp quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu thiên nhiên kỳ, thể hiện niềm tin và sự tin nhiệm của các nhà đầu tư đối với Việt Nam.

## 2. Những hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

- Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã bộc lộ những yếu kém cơ bản của nền kinh tế: Sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế còn hạn chế, yếu kém chậm khắc phục; Cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng vẫn chưa được cải thiện căn bản, doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn yếu kém so với các nước, kể cả các nước trong khu vực; Các ngành kinh tế, các doanh nghiệp mang tính mũi nhọn, có khả năng vươn ra chiếm lĩnh thị trường khu vực và thế giới chưa nhiều, chưa có khả năng đi đầu, kéo các ngành, các doanh nghiệp khác cùng phát triển; Một số sản phẩm đã bắt đầu gặp khó khăn trong cạnh tranh, trong khi cơ cấu xuất khẩu còn nghèo nàn, tập trung vào các mặt hàng như nông sản, thủy sản, dệt may,...

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (cách mạng 4.0), đặc biệt là công nghệ thông tin, Internet, tự động hóa, vật liệu mới... đang phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Thế nhưng, về cơ bản, Việt Nam vẫn chủ yếu ở giai đoạn 2 - thực hiện dây chuyền gia công lắp ráp, kém xa nhiều nước trong khu vực.

- Do chính sách quy hoạch, đầu tư không hiệu quả nên hiện nay có 12 dự án thua lỗ hàng ngàn tỷ đang là gánh nặng, gây hậu quả nặng nề cho nền kinh tế (Công ty Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy đạm Ninh Bình, Dự án xơ sợi Đình Vũ...). Đây cũng là một trong các nguyên nhân làm cho mức nợ công tăng nhanh ở Việt Nam thời gian qua: nếu năm 2001 nợ công ở mức 36,5% GDP, thì đến năm 2010 đã tăng lên mức 50% GDP và năm 2015 tăng nhanh báo động ở mức 62,2% GDP (IMF, 2017). Trong khi đó, thu ngân sách hết sức khó khăn, Nhà nước phải thoái vốn trong một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước lớn, trong khi nghĩa vụ trả nợ quốc tế ngày càng lớn. Bên cạnh đó, tình trạng tham nhũng, lãng phí có xu hướng gia tăng báo động.

- Việc thu hút FDI, mặc dù có một số kết quả, nhưng nhìn chung hiệu quả chưa cao như mong muốn; Chính sách liên quan đến thu hút FDI chậm được đổi mới, tại một số địa phương còn chạy theo số lượng các dự án, chưa quan tâm đến chất lượng, công nghệ, đặc biệt là công nghệ trong lĩnh vực Việt Nam cần đổi mới mô hình tăng trưởng; Nhiều dự án đầu tư chưa quan tâm đầy đủ đến tác động môi trường, gây ra những hậu quả tiêu cực về môi trường sinh thái như dự án của FORMOSA đối với các tỉnh miền Trung.

- Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN vẫn còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, đôi khi còn lúng túng trong việc xác định bước đi, đặc biệt là vai trò của kinh tế tư nhân với tư cách động lực quan trọng của nền kinh tế và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước còn chưa được làm sáng tỏ để tạo sự đồng thuận, huy động các nguồn lực to lớn cho đầu tư phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Các điểm nghẽn về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực và về thể chế gây cản trở cho quá trình phát triển còn chậm được khắc phục cải thiện. Đây là những thách thức lớn đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sắp tới.

- Trong thời gian qua, có thời điểm, việc tập trung các nỗ lực hội nhập kinh tế vào khu vực Đông Á đã làm tăng sự phụ thuộc nền kinh tế Việt Nam vào các nền kinh tế lớn trong khu vực, nhất là về các nguồn nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị và công nghệ thấp, về đầu tư công nghệ và tài chính. Đây cũng là nguyên nhân làm cho Việt Nam nhập siêu tăng từ một số đối tác trong khu vực Đông Á.

- Công tác quản lý điều hành của Nhà nước chậm được đổi mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng. Trong bối cảnh tình hình thế giới biến động nhanh và mạnh trong thời gian qua, các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp nhiều khi tỏ ra lúng túng, thiếu chủ động xử lý những vấn đề phát sinh khi thực thi các cam kết hội nhập. Cơ chế chính sách nhìn chung còn thiếu đồng bộ giữa các bộ, ngành, nhất là về nguồn nhân lực, chính sách thuế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ và cơ sở hạ tầng (ví dụ: ngành sản xuất ô tô mặc dù được hỗ trợ song tỷ lệ nội địa hóa còn thấp, sức cạnh tranh còn hạn chế, giá thành cao).

- Lĩnh vực nông nghiệp bộc lộ nhiều hạn chế như chậm đổi mới thể chế chính sách, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp, vẫn tồn tại sản xuất ở quy mô nhỏ do vấn đề hạn điền chưa được giải quyết tổng thể, năng suất và chất lượng chưa cao, chậm hình thành các vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến, hàng nông sản khó vượt qua hàng rào kỹ thuật của các nước. Trong khi đó, nông sản trong nước khó

cạnh tranh khi Việt Nam phải dỡ bỏ hàng rào thuế quan, mặt khác hàng rào kỹ thuật của Việt Nam chậm được xây dựng, các biện pháp mang tính đối kháng tự vệ hiệu quả còn thấp.

- Tính đồng bộ, gắn kết giữa các lĩnh vực chưa cao; công tác phối hợp về hội nhập giữa các bộ, ngành, giữa các cơ quan trung ương và địa phương với doanh nghiệp chưa tốt. Nhiều vấn đề mang tính liên ngành chậm được xử lý, đặc biệt trong lĩnh vực nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển hài hòa các yếu tố thị trường. Thêm vào đó, hội nhập kinh tế quốc tế chưa thực sự được ưu tiên so với các lĩnh vực hợp tác khác.

- Khả năng nhận định, dự báo, đánh giá tình hình quốc tế và khu vực tác động đến Việt Nam còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư để nắm bắt các xu hướng vận động của thế giới, từ đó có đối sách phù hợp. Các vấn đề về cơ chế nhận biết, cảnh báo sớm trong các lĩnh vực hội nhập kinh tế trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới còn yếu, công tác tham mưu, tư vấn chính sách còn nhiều hạn chế.

### **III. Quan điểm, định hướng và giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020 và tầm nhìn giai đoạn 2021-2030**

1. Bối cảnh quốc tế mới có những xu hướng nổi bật như: Sự chuyển dịch quyền lực và sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, xuất hiện các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng, tác động của mạng xã hội, của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ngày càng mạnh mẽ ở phạm vi toàn cầu và từng quốc gia có trình độ phát triển khác nhau về thể chế, kinh tế và xã hội. Trong bối cảnh đó, việc tập hợp lực lượng, liên kết cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu

vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn biến phức tạp.

Cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ và việc nước Anh rút khỏi EU (Brexit) cho thấy xu thế của chủ nghĩa dân tộc, xu hướng bảo hộ, chủ nghĩa dân túy đang nổi lên. Tuy vậy, toàn cầu hóa vẫn là xu thế khách quan.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương trở thành trung tâm kinh tế - chính trị quan trọng hàng đầu của thế giới, Mỹ và các nước lớn đều điều chỉnh chính sách đối ngoại hướng về châu Á - Thái Bình Dương và coi trọng khu vực này trong chiến lược phát triển quốc gia của mình. Cạnh tranh quyền lực, lợi ích và vị thế chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là quan hệ Mỹ - Trung, đang diễn ra ngày càng quyết liệt, tăng cường tính cạnh tranh đồng thời duy trì sự hợp tác, điều này tác động đến tình hình khu vực.

Trong bối cảnh chung đó, nhiều nước đang đẩy mạnh trao đổi đàm phán để tiếp tục hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế như đẩy mạnh việc ký kết và thực hiện các hiệp định tự do thương mại (FTA) thế hệ mới. Bối cảnh chung đó tác động đến quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới, đòi hỏi Việt Nam phải có chủ trương, định hướng đúng, những giải pháp và bước đi phù hợp.

2. Cần nhất quán các quan điểm chỉ đạo quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời gian tới là:

*Một là*, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

*Hai là*, hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của

Nhà nước. Mọi cơ chế chính sách phải phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân, khai thác hiệu quả tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Ba là*, hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ với thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng miền trong khu vực, trong đất nước.

*Bốn là*, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác, tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện một cách đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế với lộ trình tổng thể, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước và bối cảnh quốc tế.

*Năm là*, hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, kiên định lợi ích quốc gia - dân tộc, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống không để rơi vào tình trạng bị động, đối đầu, không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia.

*Sáu là*, nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình,

độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Bên cạnh thời cơ thuận lợi, đất nước ta tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội, khả năng bảo đảm quốc phòng an ninh, ổn định chính trị xã hội, giữ vững môi trường hòa bình đảm bảo phát triển nhanh và bền vững.

Trong thời gian tới cần đảm bảo sự đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh việc đổi mới hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách, chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh, giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện các cam kết trong các hiệp định thương mại mà Việt Nam cam kết thực hiện.

3. Xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nền kinh tế có khả năng tự chủ cao, ứng phó được với những biến động kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh kinh tế đất nước trong thời gian tới. Theo hướng này cần tập trung vào các giải pháp sau:

- Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng gắn liền với cơ cấu lại nền kinh tế, coi đây vừa là tiền đề vừa là hệ quả hội nhập kinh tế quốc tế, là giải pháp có tính quyết định để nâng cao nội lực nhằm tận dụng cơ hội vượt qua thách thức của giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế mới, đảm bảo nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

- Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho phát triển nhanh và bền vững, thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị trong tình hình mới và thực thi các cam kết quốc tế, huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

- Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, sản phẩm và doanh nghiệp, tập trung ưu tiên phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Qua hơn 30 năm đổi mới, cần thay đổi định hướng thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI, không nên thu hút nguồn vốn này bằng mọi giá, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên đất nước, không quan tâm đầy đủ gây ô nhiễm môi trường, biến Việt Nam thành bãi rác thải của thế giới, không chạy theo số lượng dự án FDI thu hút được, mà phải chú ý chất lượng các dự án, quan tâm thu hút các dự án công nghệ cao, hỗ trợ triển khai hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam, phát triển kinh tế xanh, thân thiện môi trường.

Với việc vay vốn ODA trong bối cảnh mới và khi Việt Nam đã vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình, không nên chạy theo số lượng dự án được vay vốn hỗ trợ mà cần chú ý tính khả thi, hiệu quả của dự án, nếu không sẽ làm tăng nợ công của nền kinh tế Việt Nam.

- Trong 5-10 năm tới, cần tập trung khai thác hiệu quả các cam kết quốc tế về kinh tế, xây dựng các cơ chế chính sách phòng vệ thương mại, phòng ngừa và giải quyết tranh chấp quốc tế, có chính sách phù hợp hỗ trợ các lĩnh vực có năng lực cạnh tranh thấp vươn lên; tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ trình độ pháp luật quốc tế, xây dựng hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ chủ động hiệu quả.

- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân, của cán bộ đảng viên về hội nhập kinh tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực thực thi pháp luật,

tăng cường quốc phòng an ninh, chủ động đấu tranh kịp thời với những âm mưu, ý đồ thông qua hội nhập kinh tế quốc tế để xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia. Bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc, giải quyết tốt vấn đề môi trường □

#### Tài liệu tham khảo

1. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Hội nghị lần thứ Chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. IMF (2017), *IMF Executive Board Completes the 2017 Article IV Consultation with Vietnam*, July 5, 2017, <http://www.imf.org/en/News/Articles/2017/07/05/pr17262-vietnam-imf-executive-board-completes-the-2017-article-iv-consultation>